

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP TOÁN 11
GIỮA HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2024 – 2025

A. Lý thuyết

- Nắm vững lý thuyết, các dạng bài tập về chương hàm số mũ, hàm số logarit.
- Nhận biết, chứng minh được hai đường thẳng vuông góc trong không gian.
- Xác định được điều kiện để đường thẳng vuông góc với mặt phẳng, hai mặt phẳng vuông góc.
- Nhận biết được khái niệm phép chiếu vuông góc.
- Xác định được hình chiếu vuông góc của một điểm, một đường thẳng, một tam giác.

B. Bài tập

I. HÀM SỐ MŨ VÀ HÀM SỐ LÔGARIT.

Phản tư luận, câu hỏi trả lời ngắn:

Câu 1: Tính giá trị các biểu thức sau:

a) $\left(\frac{3}{4}\right)^{-2} \cdot 3^2 \cdot 12^0$; b) $\left(\frac{1}{12}\right)^{-2} \cdot \left(\frac{2}{3}\right)^{-2}$; c) $(2^{-2} \cdot 5^2)^{-2} : (5 \cdot 5^{-5})$.

Câu 2: Rút gọn các biểu thức sau:

a) $\frac{x^5 y^{-2}}{x^3 y} (x, y \neq 0)$ d) $a^{\frac{1}{3}} a^{\frac{1}{2}} a^{\frac{7}{6}} (a > 0, b > 0)$; e) $a^{\frac{2}{3}} a^{\frac{1}{4}} : a^{\frac{1}{6}}$.

Câu 3: Tính giá trị các biểu thức sau:

a) $\log_2 2^{-13}$; b) $\ln e^{\sqrt{2}}$; c) $\log_8 16 - \log_8 2$; d) $\log_2 6 \cdot \log_6 8$.

Câu 4: Tìm các giá trị của x để biểu thức sau có nghĩa:

a) $\log_5 (5 - 4x)$; b) $\log_{x+1} 5$; c) $\frac{19}{7} \log_3 (3x^2 - 1)$

Câu 5: Viết công thức biểu thị y theo x , biết $2 \log_2 y = 2 + \frac{1}{2} \log_2 x$.

Câu 6: Vẽ đồ thị các hàm số sau:

a) $y = 3^x$; b) $y = \left(\frac{1}{3}\right)^x$; c) $y = \log_3 x$; b) $y = \log_{\frac{1}{3}} x$.

Câu 7: So sánh:

a) $\left(\frac{6}{7}\right)^{0,7}$ và $\left(\frac{6}{7}\right)^{0,6}$ b) $0,71^{-3,9}$ và $0,71^{-5,4}$; c) $\ln 0,9$ và $\ln 1,2$; d) $\log_{0,12} 7$ và $\log_{0,12} 8,1$.

Câu 8: Giải các phương trình sau:

a) $3^{x+1} = \frac{1}{3^{1-2x}}$; b) $2^{3x-1} = \frac{1}{2^{x-1}}$; c) $4 - \log(3 - x) = 3$; d) $\log_2 (x + 2) + \log_2 (x - 1) = 1$.
e) $3^{x-1} = 27$; f) $100^{2x^2-3} = 0,1^{2x^2-18}$; g) $2 \log_4 x + \log_2 (x - 3) = 2$;

Câu 9: Giải các bất phương trình sau:

a) $0,1^{2-x} > 0,1^{4-2x}$; b) $2.5^{2x+1} \leq 3$; c) $\log_3(x+7) \geq -1$; d) $2\log(2x+1) > 3$

Câu 10: Tìm tập xác định của các hàm số sau

a) $y = \sqrt{4^x - 2^{x+1}}$; b) $y = \ln(1 - \ln x)$; c) $y = \sqrt{25 - 5^x}$; d) $y = \frac{x}{1 - \ln x}$;

Câu 11: Dung dịch A có nồng độ H^+ là $0,00001 \text{ mol} / L$ và dung dịch B có nồng độ H^+ là $0,00000001 \text{ mol} / L$.

Tìm độ pH của mỗi dung dịch trên. Độ pH của dung dịch nào lớn hơn?

Trả lời:

Câu 12: Trong nông nghiệp bèo hoa dâu được dùng làm phân bón, nó rất tốt cho cây trồng. Mới đây, các nhà khoa học Việt Nam đã phát hiện ra bèo hoa dâu có thể dùng để chiết xuất ra chất có tác dụng kích thích hệ miễn dịch và hỗ trợ điều trị bệnh ung thư. Bèo hoa dâu được thả nuôi trên mặt nước. Một người đã thả một lượng bèo hoa dâu chiếm 4% diện tích mặt hồ. Biết rằng cứ sau đúng một tuần bèo phát triển thành 3 lần số lượng đã có và giả sử tốc độ phát triển của bèo ở mọi thời điểm như nhau. Hỏi sau ít nhất bao nhiêu ngày bèo sẽ vừa phủ kín mặt hồ?

Trả lời:

Câu 13: Dân số ở một địa phương được ước tính theo công thức $S = A \cdot e^{r \cdot t}$, trong đó A không đổi là dân số của năm 2025, S là dân số sau t năm, r là tỉ lệ tăng dân số hằng năm. Hỏi đến năm nào thì dân số ở địa phương đó sẽ đạt gấp đôi dân số năm 2025? Biết $r = 1,13\% / \text{năm}$.

Trả lời:

Câu 14: Mức cường độ âm L (đơn vị: dB) được tính bởi công thức $L = 10 \log \left(\frac{I}{10^{-12}} \right)$, trong đó I (đơn vị: W / m^2) là cường độ âm. Mức cường độ âm ở một khu dân cư được quy định là dưới 60dB. Hỏi cường độ âm của khu vực đó phải dưới bao nhiêu W / m^2 ?

Trả lời:

Phần trắc nghiệm:

Câu 15: Cho hai số thực dương x, y và hai số thực α, β tùy ý. Khẳng định nào sau đây là sai?

A. $x^\alpha \cdot x^\beta = x^{\alpha+\beta}$. B. $x^\alpha \cdot y^\beta = (xy)^{\alpha+\beta}$. C. $(x^\alpha)^\beta = x^{\alpha \cdot \beta}$. D. $(xy)^\alpha = x^\alpha \cdot y^\alpha$.

Câu 16: Cho $a > 0, a \neq 1$. Đơn giản biểu thức $B = \log_a(a^2 \cdot \sqrt[4]{a^3})$.

A. $\frac{10}{3}$. B. $\frac{11}{4}$. C. $\frac{11}{4}$. D. $\frac{10}{3}$.

Câu 17: Cho bốn số thực dương a, b, x, y với $a, b \neq 1$. Khẳng định nào sau đây là sai?

A. $\log_a(xy) = \log_a x + \log_a y$. B. $\log_a \frac{x}{y} = \log_a x - \log_a y$.

C. $\log_a \frac{1}{x} = \frac{1}{\log_a x}$.

D. $\log_a b \cdot \log_b x = \log_a x$.

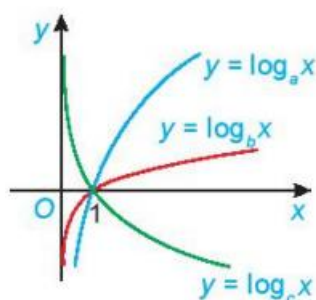
Câu 18: Cho hàm số $y = 3,6^x$. Khẳng định nào sau đây là **sai**?

- A. Tập xác định của hàm số là $\mathbb{R}$.
- B. Tập giá trị của hàm số là $(0; +\infty)$.
- C. Đồ thị của hàm số cắt trục Ox tại đúng một điểm.
- D. Hàm số đồng biến trên tập xác định của nó.

Câu 19: Hàm số nào sau đây đồng biến trên tập xác định của nó?

- A. $y = \log_{0,5} x$.
- B. $y = e^{-x}$.
- C. $y = \left(\frac{1}{3}\right)^x$.
- D. $y = \ln x$.

Câu 20: Cho đồ thị ba hàm số $y = \log_a x$, $y = \log_b x$ và $y = \log_c x$ như hình vẽ. Mệnh đề nào sau đây đúng?



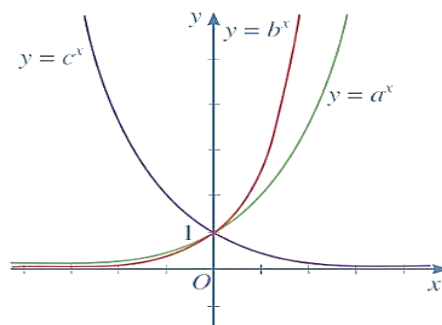
- A. $a > b > c$.
- B. $b > a > c$.
- C. $a > b > c$.
- D. $b > c > a$.

Câu 21: Tập xác định của hàm số $y = \log_{0,5}(x^2 - 2x + 1)$ là:

- A. $\mathbb{R}$.
- B. $\mathbb{R} \setminus \{1\}$.
- C. $(0; +\infty)$.
- D. $(1; +\infty)$

Câu 22: Cho ba số thực dương a, b, c khác 1 và đồ thị ba hàm số mũ $y = a^x$, $y = b^x$, $y = c^x$ được cho bởi hình 14. Kết luận nào sau đây là đúng đối với ba số a, b, c ?

- A. $c < a < b$.
- B. $c < b < a$.
- C. $a < b < c$.
- D. $b < c < a$.



Hình 14

Câu 23: Tập nghiệm của bất phương trình $(0,2)^x > 1$ là:

A. $(-\infty; 0,2)$.

B. $(0,2; +\infty)$.

C. $(0; +\infty)$.

D. $(-\infty; 0)$

Câu 24: Cho các mệnh đề sau:

I. Với $x_1, x_2 > 0$, ta có: $5\log x_1 - 5\log x_2 = 5(\log x_1 - \log x_2) = 5\log \frac{x_2}{x_1}$.

II. Với $x_1, x_2, x_3 > 0, 0 < a \neq 1$, ta có: $\log_a (x_1 + x_2 + x_3) = \log_a x_1 \cdot \log_a x_2 \cdot \log_a x_3$.

III. $\log_{(2^2 \cdot 3)} 12 = \frac{1}{12} \log_6 12 = \frac{1}{2} (1 + \log_6 2)$.

IV. Cho các số dương a, b với $a \neq 1$, ta có: $\log_{a^2} (ab) = \frac{1}{2} + \frac{1}{2} \log_a b$.

Số mệnh đề sai là bao nhiêu?

A. 4.

B. 3.

C. 2.

D. 1.

Phần câu hỏi đúng – sai:

Câu 25: Cho biểu thức $81^{-0,75} + \left(\frac{1}{625}\right)^{-\frac{1}{4}} - \left(\frac{1}{32}\right)^{-\frac{3}{5}}$.

Các mệnh đề sau đúng hay sai?

	Mệnh đề	Đúng	Sai
a)	$81^{-0,75} = (3^4)^{-\frac{3}{4}}$		
b)	$\left(\frac{1}{625}\right)^{-\frac{1}{4}} = (5^{-4})^{\frac{1}{4}}$		
c)	$81^{-0,75} + \left(\frac{1}{625}\right)^{-\frac{1}{4}} - \left(\frac{1}{32}\right)^{-\frac{3}{5}} = 3^m + 5 - 2^n$, với $m+n=0$		
d)	$81^{-0,75} + \left(\frac{1}{625}\right)^{-\frac{1}{4}} - \left(\frac{1}{32}\right)^{-\frac{3}{5}} = -\frac{a}{b} (a, b \in \mathbb{N}^*)$ và $\frac{a}{b}$ là phân số tối giản, khi đó $a-b=52$		

Câu 26: Cho biểu thức $A = \left(\frac{a^{\sqrt{5}}}{b^{\sqrt{5}-2}}\right)^{\sqrt{5}+2} \cdot \frac{a^{-2-\sqrt{5}}}{b^{-1}}$ với $a, b > 0$.

Các mệnh đề sau đúng hay sai?

	Mệnh đề	Đúng	Sai
a)	Sau khi rút gọn, thì biểu thức A chỉ chứa biến b		
b)	Với $a=2, b=1+5\sqrt{2}$ thì $A = \frac{113}{3}$		
c)	Khi $A = a^m \cdot b^n$ thì $m+n = 3+\sqrt{5}$		
d)	Khi $A = a^m \cdot b^n$ thì $m-n = 2+\sqrt{5}$		

Câu 23: Các mệnh đề sau đúng hay sai?

	Mệnh đề	Đúng	Sai
a)	$\log(x+1)$ có nghĩa khi và chỉ khi $x > -1$.		

b)	$\ln(x-1)^2$ có nghĩa khi và chỉ khi $x \neq 1$.		
c)	$\log_{x-1} x$ có nghĩa khi và chỉ khi $\begin{cases} x > 1 \\ x \neq 2 \end{cases}$.		
d)	$\log^2 \frac{1}{x-x^2}$ có nghĩa khi và chỉ khi $0 < x < 1$.		

Câu 27: Cho các biểu thức sau: $P = \log_2 8 + \log_3 27 - \log_5 5^3$; $Q = \ln(2e) - \log 100$. Khi đó:

Các mệnh đề sau đúng hay sai?

	Mệnh đề	Đúng	Sai
a)	$P + Q = 2 \ln 2$		
b)	$Q - P = \ln 2 - 4$		
c)	$3Q + P = 3 \ln 2$		
d)	$2Q + P = 2 \ln 2 + 1$		

Câu 28: Cho hàm số $y = \frac{1}{3^x}$.

Các mệnh đề sau đúng hay sai?

Mệnh đề		Đúng	Sai						
a)	Hàm số có tập xác định là $D = \mathbb{R}$.								
b)	Hàm số đồng biến trên $(-\infty; +\infty)$								
c)	Hàm số đi qua điểm $A(-2; -9)$								
d)	Hàm số có bảng biến thiên như bên: <table><tr><td>x</td><td>$-\infty$</td><td>$+\infty$</td></tr><tr><td>y</td><td>$+\infty$</td><td>$\rightarrow 0$</td></tr></table>	x	$-\infty$	$+\infty$	y	$+\infty$	$\rightarrow 0$		
x	$-\infty$	$+\infty$							
y	$+\infty$	$\rightarrow 0$							

Câu 29: Các mệnh đề sau đúng hay sai?

	Mệnh đề	Đúng	Sai
a)	$y = \log_{\frac{1}{8}} x$ có tập xác định hàm số là $D = (0; +\infty)$		
b)	$y = \ln \frac{1}{x^2}$ có tập xác định hàm số là: $D = \mathbb{R} \setminus \{0\}$.		
c)	$y = e^{2x}$ có tập xác định hàm số là $D = \mathbb{R} \setminus \{0\}$.		
d)	$y = \frac{6^x}{\log x} + \log(x^2 - x)$ có tập xác định hàm số là $D = [1; +\infty)$.		

Câu 30: Cho phương trình $\left(\frac{3}{2}\right)^{x-5} = \left(\frac{2}{3}\right)^{x+3}$. Biết phương trình có 1 nghiệm là $x = a$. Khi đó:

Các mệnh đề sau đúng hay sai?

	Mệnh đề	Đúng	Sai
a)	$a > 0$		
b)	Ba số $a, 2, 3$ tạo thành cấp số cộng với công sai bằng $d = 1$		

c)	$\lim_{x \rightarrow a} (x^2 + 2x + 5) = 7$		
d)	Phương trình $x^2 + x + a = 0$ vô nghiệm		

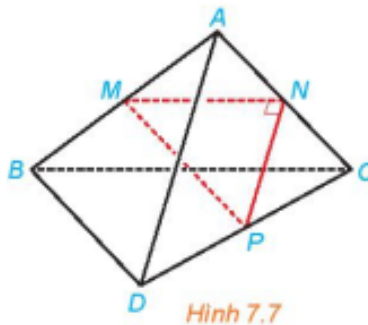
Câu 31: Các mệnh đề sau đúng hay sai?

	Mệnh đề	Đúng	Sai
a)	$16^x < \frac{1}{4}$ có tập nghiệm là $\left(-\infty; -\frac{1}{2}\right)$		
b)	$5^{x-1} \geq \left(\frac{1}{25}\right)^x$ có nghiệm lớn nhất là $x = \frac{1}{3}$		
c)	$(0,3)^{x-2} \leq 3$ có nghiệm lớn nhất là $x = 2 + \log_6 3$		
d)	$2.7^{x+2} > 9$ có tập nghiệm là $\left(-2 + \log_7 \left(\frac{9}{2}\right); +\infty\right)$		

II. QUAN HỆ VUÔNG GÓC TRONG KHÔNG GIAN.

Phản tư luận:

Câu 32: Cho tam giác MNP vuông tại N và một điểm A nằm ngoài mặt phẳng (MNP) . Lần lượt lấy các điểm B, C, D sao cho M, N, P tương ứng là trung điểm của AB, AC, CD (H 7.7). Chứng minh rằng AD và BC vuông góc với nhau và chéo nhau.



Hình 7.7

Câu 33: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy là hình vuông $ABCD$ cạnh a . Cho biết $SA = a\sqrt{2}$, $SA \perp AB$ và $SA \perp AD$. Tính góc giữa SB và CD , SD và CB .

Câu 34: Cho hình chóp $S.ABC$ có $SA = SB = SC = a$, $BSA = CSA = 60^\circ$, $BSC = 90^\circ$. Cho I và J lần lượt là trung điểm của SA và BC . Chứng minh rằng $IJ \perp SA$ và $IJ \perp BC$.

Câu 35: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy là hình thoi $ABCD$ tâm O và có $SA = SC, SB = SD$. Cho I, K lần lượt là trung điểm của các cạnh AB, BC . Chứng minh rằng:

a) $SO \perp (ABCD)$ b) $IK \perp (SBD)$.

Câu 36: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy là hình vuông, O là giao điểm của AC và BD , SA vuông góc với mặt phẳng $(ABCD)$. Gọi K, M, N lần lượt là hình chiếu vuông góc của điểm A trên các cạnh SB, SC, SD . Chứng minh rằng:

a) $CB \perp (SAB)$ và $CD \perp (SAD)$; b) $KN \perp AM$.

Câu 37: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy là hình chữ nhật $ABCD$ và $SA \perp (ABCD)$. Tìm hình chiếu vuông góc của SC lên mặt phẳng $(ABCD)$; hình chiếu vuông góc của điểm D trên mặt phẳng (SAB) và hình chiếu vuông góc của tam giác SAB trên mặt phẳng $(ABCD)$.

Câu 38: Cho hình chóp $S.ABC$ có đáy là tam giác vuông tại C , mặt bên SAC là tam giác đều và nằm trong mặt phẳng vuông góc với (ABC) .

- a) Chứng minh rằng $(SBC) \perp (SAC)$.
b) Gọi I là trung điểm của SC . Chứng minh rằng $(ABI) \perp (SAC)$.

Phần trắc nghiệm:

Câu 39: Cho hai đường thẳng phân biệt a, b và mặt phẳng P , trong đó $a \perp P$. Chọn mệnh đề **sai** trong các mệnh đề sau?

- A. Nếu $b \perp P$ thì $a \parallel b$.
B. Nếu $b \parallel a$ thì $b \perp P$.
C. Nếu $b \subset P$ thì $b \perp a$.
D. Nếu $a \perp b$ thì $b \parallel P$.

Câu 41: Cho hình chóp $S.ABC$ có đáy ABC là tam giác cân tại C . Cạnh bên SA vuông góc với đáy. Gọi H, K lần lượt là trung điểm của AB và SB . Khẳng định nào dưới đây sai?

- A. $CH \perp AK$.
B. $CH \perp SB$.
C. $CH \perp SA$.
D. $AK \perp SB$.

Câu 42: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình thoi tâm O . Biết rằng $SA = SC$, $SB = SD$. Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. $AB \perp SAC$.
B. $CD \perp AC$.
C. $SO \perp ABCD$.
D. $CD \perp SBD$.

Câu 43: Cho mặt phẳng (P) vuông góc với mặt phẳng (Q) và a là giao tuyến của (P) và (Q) . Trong các phát biểu dưới đây, phát biểu nào đúng?

- A. Đường thẳng d nằm trên (Q) thì d vuông góc với (P) .
B. Đường thẳng d nằm trên (Q) và d vuông góc với a thì d vuông góc với (P) .
C. Đường thẳng d vuông góc với a thì d vuông góc với (P) .
D. Đường thẳng d vuông góc với (Q) thì d vuông góc với (P) .

Câu 44: Cho hình chóp $SABC$ có $SA \perp ABC$. Gọi H, K lần lượt là trực tâm các tam giác SBC và ABC . Mệnh đề nào sau đây sai?

- A. $BC \perp SAH$.
B. $SB \perp CHK$.
C. $HK \perp SBC$.
D. $BC \perp SAB$.

Câu 45: Cho hình lập phương $ABCD.A'B'C'D'$. Đường thẳng nào sau đây vuông góc với đường thẳng BC' ?

- A. $A'D$.
B. AC .
C. BB' .
D. AD' .

Câu 46: Cho hình lập phương $ABCD.A'B'C'D'$. Góc giữa AC và DA' là:

- A. 45° .
B. 90° .
C. 60° .
D. 120° .

Câu 47: Cho hình chóp $S.ABCD$ có các cạnh bên và cạnh đáy đều bằng a . Gọi M là trung điểm của SA . Mặt phẳng (MBD) vuông góc với mặt phẳng nào dưới đây?

- A. (SBC) .
B. (SAC) .
C. (SBD) .
D. $(ABCD)$.

Câu 48: Cho hình chóp $S.ABCD$ có $SA \perp (ABCD)$, $ABCD$ là hình vuông tâm O . Hình chiếu của điểm S trên mặt phẳng $(ABCD)$ là điểm

- A. B .
B. D .
C. O .
D. A .

Phần câu trả lời đúng - sai:

Câu 49: Trong không gian, cho ba đường thẳng phân biệt a, b, c . Các mệnh đề sau đúng hay sai?

Mệnh đề		Đúng	Sai
a)	Nếu $a // b$ thì $(a, c) = (c, b)$.		
b)	Nếu $c // b$ thì $(a, b) = (a, c)$.		
c)	Nếu $a \perp c, b \perp c$ thì $a // b$.		
d)	Nếu $a \perp c$ thì $(a, b) = (c, b)$.		

Câu 50: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy là hình thoi. Gọi M, N theo thứ tự là trung điểm của đoạn SB, SD . Khi đó:

Các mệnh đề sau đúng hay sai?

Mệnh đề		Đúng	Sai
a)	$MN // BD$		
b)	MN và AC là hai đường thẳng chéo nhau.		
c)	$AC \perp BD$		
d)	$(MN, AC) = 90^\circ$		

Câu 51: Cho tứ diện $OABC$ có OA, OB, OC đôi một vuông góc với nhau. Gọi OK là đường cao của tam giác OBC và OH là đường cao của tam giác OAC . Khi đó:

Các mệnh đề sau đúng hay sai?

Mệnh đề		Đúng	Sai
a)	$OA \perp (OBC)$		
b)	$OB \perp (OAC)$		
c)	Các cạnh đối nhau trong tứ diện $OABC$ thì vuông góc với nhau.		
d)	OH không vuông góc với mặt phẳng (ABC) .		

Câu 52: Cho tam giác ABC vuông tại C . Gọi d là đường thẳng vuông góc với (ABC) tại A , lấy điểm S nằm trên d không trùng với A . Hai điểm E và F lần lượt là hình chiếu của A trên các cạnh SC và SB . Khi đó:

Các mệnh đề sau đúng hay sai?

Mệnh đề		Đúng	Sai
a)	$BC \perp (SAC)$		
b)	$AE \perp BC$		
c)	$BD \perp (SAC)$		
d)	$SB \perp (AEF)$		

Câu 53: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình vuông. Mặt bên SAB là tam giác đều và nằm trong mặt phẳng vuông góc với đáy. Gọi H và I lần lượt là trung điểm của AB và BC . Khi đó:

Các mệnh đề sau đúng hay sai?

Mệnh đề		Đúng	Sai
a)	$SH \perp (ABCD)$		
b)	$AD \perp (SAB)$		
c)	$((SAB), (SAD)) = 90^\circ$		
d)	$(SHC) \perp (SDI)$		

Câu 54: Trong các mệnh đề sau, mệnh đề nào đúng, mệnh đề nào sai?

Mệnh đề		Đúng	Sai
a)	Có duy nhất một đường thẳng đi qua một điểm cho trước và vuông góc với một đường thẳng cho trước.		
b)	Có duy nhất một mặt phẳng đi qua một đường thẳng cho trước và vuông góc với một mặt phẳng cho trước.		
c)	Có duy nhất một mặt phẳng đi qua một điểm cho trước và vuông góc với một đường thẳng cho trước.		
d)	Có duy nhất một mặt phẳng đi qua một điểm cho trước và vuông góc với một mặt phẳng cho trước.		

Phần câu trả lời ngắn:

Câu 55: Cho hình chóp $S.ABC$ có đáy ABC là tam giác vuông tại B . Cạnh bên SA vuông góc với mặt phẳng đáy. Xác định góc giữa mặt phẳng (SBC) và mặt phẳng (ABC) ?

Trả lời:

Câu 56: Cho tứ diện $S.ABC$ có các cạnh SA, SB, SC đôi một vuông góc và $SA = SB = SC = 1$. Tính cosin của góc giữa hai mặt phẳng (SBC) và (ABC) .

Trả lời:

Câu 57: Cho hình chóp $S.ABCD$ có cạnh bên $SA \perp (ABC)$ và đáy ABC là tam giác cân ở B . Gọi H và K lần lượt là trung điểm của AC và SC . Xác định góc của hai đường thẳng BH, SK .

Trả lời:

Câu 58: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình vuông tâm O .

Biết $SA = SC$ và $SB = SD$, xác định số đo góc hai đường thẳng AC, SD .

Trả lời:

Câu 59: Cho hình hộp $ABCD \cdot A'B'C'D'$ có 6 mặt là hình vuông. Tính số đo của góc giữa hai đường thẳng $A'C'$ và BD .

Trả lời:


Đỗ Lê Hải Thụy

